

PHÁP LUẬT VỀ NGÂN HÀNG SỐ - CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG SỐ TRONG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

PGS.TS. Lê Thị Thanh

Khoa Luật, Tài chính Ngân hàng và Kế toán, Trường Đại học Hoà Bình

Tác giả liên hệ: ltthanh@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 08/12/2022

Ngày nhận bản sửa: 12/12/2022

Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

Tóm tắt

Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động và tạo nền tảng cho sự xuất hiện, phát triển ngân hàng số - một hình thức ngân hàng số hoá tất cả các hoạt động và dịch vụ ngân hàng truyền thống. Để hình thành và phát triển ngân hàng số, đòi hỏi phải có hệ thống pháp luật điều chỉnh phù hợp. Trong khi lý luận về pháp luật ngân hàng số và hệ thống pháp luật hiện hành về ngân hàng số ở Việt Nam đang còn ở mức sơ khai, đòi hỏi phải được nghiên cứu một cách tổng thể, chuyên sâu. Bài viết này nghiên cứu những nội dung chủ yếu của pháp luật về ngân hàng số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0, ngân hàng số, pháp luật về ngân hàng số.

Digital Banking Regulatory Framework - Legal Basis for Digital Banking Activities in the Industrial Revolution 4.0

Abstract

The Industrial Revolution 4.0 has impacted and created the foundation for the emergence and development of digital banking - a form of banking that digitizes all traditional banking activities and services. To establish and encourage digital banking, an appropriate legal system is necessary. When the theory of law on digital banking and the current legal system on digital banking in Vietnam is still limited, it is essential to do research on it. This paper studies the key problems of the law on digital banking in the industrial revolution 4.0.

Keywords: Industrial Revolution 4.0; Digital Bank; Digital Banking Regulatory Framework.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) tập trung vào công nghệ kỹ thuật số với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật, truy cập dữ liệu thời gian thực và giới thiệu các hệ thống vật lý không gian mạng. Kết nối vật lý với kỹ thuật số và cho phép cộng tác, truy cập tốt hơn giữa các bộ phận, đối tác, nhà cung cấp, sản phẩm và con người. Cách mạng công nghiệp 4.0 trao quyền cho các doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp kiểm soát và hiểu rõ hơn mọi khía cạnh hoạt động của họ và cho phép họ tận dụng dữ liệu tức thời để tăng năng suất, cải thiện quy trình, thúc đẩy tăng trưởng (Bách khoa toàn thư

mở Wikipedia). Big Data (dữ liệu lớn) cho phép con người có thể thu thập, chứa đựng được một lượng dữ liệu khổng lồ; Internet of Things (vạn vật kết nối) là sự kết hợp của Internet, công nghệ vi cơ điện tử và công nghệ không dây. Internet giúp kết nối các thiết bị hỗ trợ từ công việc tới cuộc sống thường nhật với con người, thu thập và truyền dữ liệu trong thời gian thực qua một mạng Internet duy nhất. Internet vạn vật (IoT) mô tả các đối tượng vật lý hàng ngày được kết nối với Internet và có thể tự nhận dạng chúng với các thiết bị khác; Cloud (đám mây lưu trữ) cho phép người dùng có thể sử dụng các dịch vụ lưu trữ thông tin nhờ vào các nhà cung cấp, chẳng hạn như

Facebook, Office 365, Youtube. Mọi dữ liệu đều được lưu trữ, tổ chức và sắp xếp trên hệ thống của các nhà cung cấp dịch vụ. Các doanh nghiệp có thể thực hiện các chiến lược tiếp thị tự động hóa dựa trên nền tảng công nghệ này nhằm tiết kiệm chi phí và tối ưu nguồn lực cho doanh nghiệp; Artificial intelligence AI (*trí tuệ nhân tạo*) - một lĩnh vực của khoa học máy tính, tạo ra những cỗ máy thông minh hoạt động và phản ứng như con người, đặc biệt trong các lĩnh vực nhận dạng giọng nói, học tập, lập kế hoạch và giải quyết vấn đề. Đây là công nghệ lập trình cho máy móc với các khả năng như: Học tập (tìm kiếm, thu thập, áp dụng các quy tắc sử dụng thông tin), khả năng lập luận (đưa ra các phân tích, dự đoán chính xác hoặc gần chính xác) và khả năng tự sửa lỗi; *In 3D* cho phép tạo ra các mô hình 3D vật lý của các đối tượng; *Data mining* biến dữ liệu thô thành dữ liệu sâu sắc để đưa ra quyết định kinh doanh tốt hơn; *Augmented Reality (AR)* là sự kết hợp màn hình, âm thanh, văn bản và hiệu ứng do máy tính tạo ra với trải nghiệm thế giới thực của người dùng; *Cloud computing (điện toán đám mây)* là việc sử dụng các dịch vụ như nền tảng phát triển phần mềm, máy chủ, lưu trữ và phần mềm qua Internet, thường được gọi là đám mây. Chi phí thấp hơn liên quan đến việc áp dụng đám mây không có máy chủ, xuất phát từ khả năng của nhà cung cấp để tập hợp tài nguyên giữa các khách hàng; *Tự động quy trình robotic (RPA)* là quá trình tự động hóa các hoạt động kinh doanh thông thường với các robot phần mềm được đào tạo bởi AI, có thể thực hiện các nhiệm vụ một cách tự động. Những robot này có thể thay thế con người cho các nhiệm vụ phổ biến như xử lý giao dịch, quản lý công nghệ thông tin và công việc trợ lý.

Kinh tế số là nền kinh tế dựa trên các công nghệ kỹ thuật số, “bao gồm các thị trường dựa trên các công nghệ kỹ thuật số để tạo cho việc giao dịch, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thông qua thương mại điện tử...” (OECD, the Digital Economy, page 5). Dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, làm cho nền kinh tế chuyển từ

việc trao đổi đơn thuần hàng hoá, dịch vụ giữa người với người sang nền kinh tế dựa trên công nghệ kỹ thuật số, giúp cho việc giao dịch, trao đổi hàng hoá, dịch vụ được dễ dàng hơn. Nền kinh tế dựa trên công nghệ kỹ thuật số đang diễn ra rất nhanh, tác động đến các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Do vậy, Việt Nam cần tận dụng và khai thác tối đa lợi ích của công nghệ này cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, cho ngân hàng số nói riêng.

Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động và tạo ra những chuyển biến nền tảng đối với mọi ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với ngành Tài chính, Ngân hàng. Sự xuất hiện, phát triển ngân hàng số đã gây áp lực cạnh tranh gay gắt chưa từng có với các ngân hàng truyền thống.

Ở Việt Nam, nhiều ngân hàng thương mại đã ứng dụng công nghệ 4.0 trong phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, xác thực sinh trắc học... Có những ngân hàng cũng đã bắt đầu chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ theo hướng số hóa như các ngân hàng Vietcombank với không gian ngân hàng số Digital Lab, TPBank với ngân hàng tự động LiveBank, VPBank với ứng dụng ngân hàng số Timo, Vietinbank với corebank thế hệ mới và kho dữ liệu doanh nghiệp (EDW) hiện đại,... Hướng đến phát triển ngân hàng số là một trong những chiến lược phát triển ngành Ngân hàng ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hoá. Bên cạnh những thuận lợi thì cũng gặp không ít những thách thức, khó khăn, trong đó có vấn đề về môi trường pháp lý. Một trong những đòi hỏi môi trường cho ngân hàng số hình thành, hoạt động và phát triển là môi trường pháp lý phù hợp, trong khi hệ thống pháp luật hiện hành về ngân hàng số đang còn rất thiếu và còn nhiều bất cập, đòi hỏi phải được nghiên cứu một cách tổng thể, chuyên sâu để có những giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngân hàng số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Một số vấn đề lý luận về ngân hàng số

Ngân hàng số (Digital Banking) là một hình thức ngân hàng số hoá tất cả các hoạt

động và dịch vụ ngân hàng truyền thống. Giao dịch của ngân hàng số không phải đến chi nhánh ngân hàng và giảm thiểu tối đa những thủ tục giấy tờ liên quan, hoạt động của ngân hàng số có thể thực hiện mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc vào thời gian, không gian. Mọi giao dịch ngân hàng đều thực hiện trực tuyến qua Internet thông qua các hình thức như GPRS, 3G/4G/5G/Wifi. Ngân hàng số hoá 100% quy trình, mọi mối quan hệ của khách hàng với ngân hàng đều được xử lý online, thanh toán chuyển khoản/chuyển tiền 24/7, vay ngân hàng, gửi tiết kiệm, nộp tiền vào tài khoản, quản lý tài khoản, quản lý thẻ, đầu tư, bảo hiểm, quản lý tài chính cá nhân và doanh nghiệp - khả năng bảo mật là tuyệt đối và được giám sát chặt chẽ.

Đăng ký online: Khách hàng đã có tài khoản tại ngân hàng có thể truy cập vào website ngân hàng đó để đăng ký tài khoản trực tuyến;

Thanh toán: Khách hàng dễ dàng thanh toán tiền điện, nước, hoá đơn mua hàng, cước viễn thông,... một lần hoặc định kỳ hoặc đặt lịch hẹn thanh toán hoá đơn tự động trên ứng dụng di động;

Chuyển khoản/chuyển tiền 24/7: Khách hàng có thể chuyển tiền nội bộ hoặc chuyển tiền liên ngân hàng nhanh chóng, tiện lợi mọi lúc, mọi nơi;

Vay ngân hàng: Khách hàng làm thủ tục vay ngân hàng bằng hành vi thực hiện trên website hoặc ứng dụng của ngân hàng;

Gửi tiết kiệm: Khách hàng gửi tiền hoặc rút tiền trực tiếp qua ứng dụng trên thiết bị như điện thoại, laptop, ipad được kết nối Internet;

Nộp tiền vào tài khoản: Khách hàng chỉ cần chuyển tiền từ tài khoản khác về tài khoản của mình thông qua website, ứng dụng của ngân hàng;

Quản lý tài khoản, quản lý thẻ: Khách hàng có thể kiểm soát dòng tiền mọi lúc, mọi nơi. Khi kết nối Internet, khách hàng có thể thấy rõ lịch sử giao dịch thông qua các thông báo trên ứng dụng ngân hàng. Khách hàng có thể khoá thẻ, đổi mật khẩu ứng dụng ngay khi nghi ngờ tài khoản có

thể hoặc đang gặp nguy hiểm;

Tham gia các sản phẩm đầu tư, bảo hiểm: Sự kết hợp giữa ngân hàng và các công ty bảo hiểm thì khách hàng của ngân hàng có nhu cầu về bảo hiểm dễ dàng tiếp cận với các sản phẩm chất lượng cao, uy tín hơn;

Ngân hàng số cũng hỗ trợ mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến để khách hàng có thể tham gia đầu tư chứng khoán, hỗ trợ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và theo dõi sự biến động của các sản phẩm chứng khoán,...

Quản lý tài chính cá nhân và doanh nghiệp: Mọi giao dịch của cá nhân, doanh nghiệp đã thực hiện đều được ghi lại trong mục tài khoản cùng số tiền hiện có, giúp khách hàng dễ dàng theo dõi chi tiêu và tài sản của mình;

Khả năng bảo mật của ngân hàng số là tuyệt đối và được giám sát chặt chẽ bởi các ngân hàng. Để thực hiện được giao dịch nào đó, khách hàng phải thực hiện nhiều bước bảo mật của ngân hàng (nhập tên tài khoản chính xác, mật khẩu đã được mã hoá và mã bảo mật OTP).

Ngân hàng số số hóa mọi hoạt động ngân hàng được thực hiện ở các chi nhánh ngân hàng truyền thống, bao gồm Internet Banking và Mobile Banking, khách hàng có thể thực hiện mọi giao dịch trên website và ứng dụng di động của ngân hàng. Sử dụng ngân hàng số mang lại sự tiện lợi tối đa, thiết bị sử dụng đa dạng: máy tính, laptop, điện thoại,... có kết nối Internet. Tất cả các hoạt động được thực hiện ở quầy giao dịch truyền thống đều được số hoá và tích hợp vào một ứng dụng ngân hàng số, do vậy, khách hàng không phải đến giao dịch tại các quầy giao dịch truyền thống. Bên cạnh đó, các hoạt động như quản lý rủi ro, nguồn vốn, phát triển sản phẩm,... cũng được số hoá.

Internet Banking (Ngân hàng điện tử) là một dịch vụ ngân hàng trực tuyến cho phép khách hàng quản lý tài khoản và thực hiện các giao dịch như chuyển tiền, gửi tiền tiết kiệm online, thanh toán hóa đơn, các dịch vụ tài chính, nộp tiền, nộp thuế,... thông qua thiết bị kết nối Internet. Khách hàng giao

dịch trực tiếp trên website ngân hàng.

Mobile Banking là dịch vụ cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính trên ứng dụng thông minh của điện thoại di động. Khách hàng chỉ cần tải App của ngân hàng về thiết bị di động và đảm bảo điện thoại kết nối Internet là có thể sử dụng.

Cách mạng 4.0 đã và đang tạo nên sự phát triển đột phá trong hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tạo cơ sở hình thành và phát triển ngân hàng số. Ngân hàng số đòi hỏi cao về công nghệ, bao gồm sự đổi mới trong dịch vụ tài chính, kỹ thuật số, chiến lược di động, AI, thanh toán, RegTech, dữ liệu, blockchain, API, kênh phân phối và công nghệ,... Bởi vì công nghệ làm giảm đáng kể các trung gian tài chính, giúp các giao dịch tài chính được thực hiện nhanh hơn, chi phí thấp hơn, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính đối với khách hàng thông qua các dịch vụ tài chính có thể thực hiện 24/7 theo thời gian thực; Với dữ liệu lớn (big data) giúp truy cập vào thông tin chi tiết chuyên sâu về thói quen, sở thích, nhu cầu của khách hàng, trong khi AI giúp các công ty dễ dàng điều chỉnh trải nghiệm của khách hàng, tiếp cận khách hàng tại những điểm tiếp xúc quan trọng và thay đổi sản phẩm, dịch vụ phù hợp, tăng sự hài lòng của khách hàng và công nghệ 4.0 giúp tăng cường hiệu quả và bảo mật do có thể làm thay đổi hệ thống ngân hàng toàn diện (sự xuất hiện của tiên kỹ thuật số và đặc biệt là công nghệ chuỗi khối (blockchain) - ghi lại các giao dịch một cách minh bạch và an toàn; sử dụng đám mây lai (hybrid cloud) - một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đám mây công cộng với các không gian đám mây riêng để tạo ra một môi trường đám mây linh hoạt duy nhất; ứng dụng công nghệ 4.0 cũng giúp ngân hàng tiếp thị hiệu quả và có mục tiêu, hỗ trợ khách hàng thông qua robot với chi phí rất thấp, mở rộng khu vực hoạt động, giảm thiểu rủi ro nhờ đánh giá dựa trên dữ liệu, quản trị kinh doanh tốt hơn, giảm thiểu lỗi của con người trong các hoạt động.

Mặt khác, cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tạo cho việc phát triển ngân hàng số

hiều thách thức, cần có những giải pháp khắc phục. Chẳng hạn: Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính nói chung, trong ngành Ngân hàng nói riêng ngày càng tăng; Rủi ro an ninh và tội phạm mạng gia tăng, thông tin khách hàng bị truy xuất và khách hàng bị tấn công; Khó khăn hơn trong việc xây dựng lòng tin và giữ mối quan hệ với khách hàng từ ngân hàng số, vì số hoá hầu như không có sự tiếp xúc với con người (Tô Thị Diệu Loan, 2022).

Từ sự phát triển đột phá của cách mạng công nghiệp 4.0, sự cạnh tranh từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng và các công ty Fintech, từ các Techfins và đặc biệt trong tình trạng đại dịch Covid-19 thì xu hướng phát triển ngân hàng số càng trở nên rõ ràng.

Ứng dụng công nghệ 4.0 để xây dựng và phát triển ngân hàng số cần có môi trường pháp lý phù hợp. Vấn đề đặt ra là cơ sở pháp lý cho việc hình thành, hoạt động và phát triển ngân hàng số cần có những nội dung nào? Điều chỉnh như thế nào? Vấn đề đặt ra với Việt Nam hiện nay?

3. Pháp luật về ngân hàng số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Để xây dựng, phát triển ngân hàng số, cần có hệ thống pháp luật hoàn thiện, phù hợp với tiến trình phát triển đột phá của cách mạng công nghiệp 4.0 và với các đặc trưng của ngân hàng số. Chúng tôi cho rằng, pháp luật về ngân hàng số cần có những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, quy định về chủ thể tham gia giao dịch và thực hiện các hoạt động ngân hàng số, trong đó, xác định rõ địa vị pháp lý của từng loại chủ thể, chỉ rõ vị trí, vai trò, chức năng,... của từng loại chủ thể khi tham gia giao dịch, hoạt động ngân hàng số. Bên cạnh các chủ thể truyền thống như khách hàng - địa vị pháp lý đã được xác định, thì chủ thể với tư cách là bên “ngân hàng số”, chủ thể là bên thứ ba phải được xác định rõ.

Đặc biệt làm rõ địa vị pháp lý của robot trong hoạt động của ngân hàng số. Hiện đang có hai quan điểm về địa vị pháp lý của loại này khi ứng dụng AI: (i) AI là một đối tượng của pháp luật, một số thực thể hữu hình có gắn AI như robot có thể được xem

xét có quyền như con người, tuy nhiên, số lượng quốc gia theo cách tiếp cận này rất ít; (ii) AI là một đối tượng riêng biệt trong pháp luật và được kiểm soát bởi những quy định đặc biệt, các thực thể mang AI không được công nhận có quyền như một con người, bản chất là một tài sản, công cụ, hay sản phẩm (pháp luật chỉ quy định AI là một đối tượng được kiểm soát đặc biệt và có những quy định dành riêng để điều chỉnh các vấn đề phát sinh liên quan đến AI) (Phạm Xuân Hoè, 2022).

Ở Việt Nam hiện nay, pháp luật chỉ xác định địa vị pháp lý của chủ thể là cá nhân, pháp nhân và vì vậy, pháp luật cũng chưa có quy định về tư cách của AI và thực thể mang AI. “Việt Nam có thể tiếp cận theo cách (ii), không cố gắng xác định tư cách pháp lý của AI, mà tập trung định nghĩa AI và các vấn đề phát sinh. Còn đối với thực thể mang AI cần có quy định rõ đến việc xác định bản chất của những thực thể đó” (Phạm Xuân Hoè, 2022).

Hoặc địa vị pháp lý của chủ thể thứ ba như Công ty Tài chính Công nghệ (FinTech) trên nền tảng của BigTech (chẳng hạn, Vietinbank hợp tác với ON, BE Group,...).

Thứ hai, quy định các điều kiện để chủ thể tham gia giao dịch hoặc thực hiện các hoạt động của ngân hàng số. Bên cạnh các quy định về điều kiện của khách hàng truyền thống, với ngân hàng số thì pháp luật cần xác định rõ điều kiện để là khách hàng, tham gia giao dịch của ngân hàng.

Xác định rõ điều kiện để là những chủ thể hoạt động/tham gia hoạt động ngân hàng số.

Vấn đề là xác thực chủ thể thế nào về mặt pháp lý? Chẳng hạn, xác thực người dùng và nhận diện khách hàng (khác với ngân hàng truyền thống là xác minh qua căn cước/chứng minh thư/hộ chiếu, ảnh, chữ ký), với ngân hàng số, pháp luật cần có quy định về chữ ký số, chữ ký điện tử và sinh trắc học để định danh người dùng (eKYC) trên không gian số.

Thứ ba, quy định nội dung, quy trình ứng dụng công nghệ 4.0 trong ngân hàng số, đặc biệt đối với những ứng dụng mới

chỉ có ở ngân hàng số, mà không có ở ngân hàng truyền thống. Chẳng hạn, quy phạm pháp luật quy định về giá trị pháp lý, giao dịch tiền điện tử, tài sản số; quy trình tự động giao dịch trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, API, Blockchain trong giao dịch ngân hàng (điều chỉnh vấn đề huy động nguồn vốn từ tài sản mã hóa, tiền mã hóa; hệ sinh thái ứng dụng công nghệ blockchain; vấn đề an toàn, minh bạch;...); Vấn đề pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ khi áp dụng AI (Công nghệ AI ứng dụng ngân hàng số thì pháp luật bảo vệ như thế nào? Hay những sáng chế, sản phẩm do chính AI sáng tạo được ứng dụng thì pháp luật điều chỉnh như thế nào?);...

Thứ tư, quy định bảo đảm an ninh, an toàn cho ngân hàng số

Ngân hàng số đã, đang và sẽ là mục tiêu của tội phạm công nghệ. Giao dịch ngân hàng số thì sự kết nối, tương tác hệ thống máy tính ứng dụng các nghiệp vụ và thiết bị di động người dùng ngày càng tăng, trong khi lỗ hổng bảo mật cũng gia tăng theo sự phát triển của công nghệ số, trong khi việc ứng dụng các giải pháp công nghệ như open API, eKYC, Cloud Computing, hợp tác với Fintech,... dễ tạo ra những rủi ro về bảo mật thông tin của khách hàng, truy cập bất hợp pháp, đặc biệt trong trường hợp liên quan đến rủi ro bên thứ ba. Do vậy, bên cạnh việc áp dụng các thông lệ quản lý rủi ro và kiểm soát đối với các dịch vụ thuê ngoài thì pháp luật cần quy định tạo cơ sở pháp lý cho việc kiểm soát và áp dụng các quy trình quản lý rủi ro đầy đủ và toàn diện, “bao gồm thẩm định, quản lý rủi ro hoạt động, giám sát liên tục việc thực hiện hợp đồng của các nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba và quyền kiểm toán” (Phạm Xuân Hoè, 2022).

Thứ năm, quy định về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong hoạt động ngân hàng số

Bên cạnh những quy định áp dụng đối với giao dịch, hoạt động ngân hàng truyền thống thì với ngân hàng số, vấn đề vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý cũng có những vấn đề mới cần được nghiên cứu để xác định cho phù hợp.

Chẳng hạn, ứng dụng AI, có thể AI là đối tượng gây hại bằng hành động của mình hoặc là phương tiện để chủ thể nào đó dùng để gây hại (ví dụ, tư vấn sai cho khách hàng gây thiệt hại cho khách hàng, hoặc ngân hàng sử dụng AI để thu thập, phân tích quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân để phục vụ mục đích kinh doanh của ngân hàng và trục lợi trên dữ liệu này,...) thì có phát sinh trách nhiệm pháp lý không? Ai vi phạm? Ai chịu trách nhiệm pháp lý?... vấn đề mà pháp luật phải làm rõ.

Thứ sáu, quy định về giải quyết phát sinh từ giao dịch, hoạt động ngân hàng số

Bên cạnh những tranh chấp có thể phát sinh trong giao dịch, hoạt động của ngân hàng truyền thống thì trong giao dịch, hoạt động của ngân hàng số còn có thể phát sinh những tranh chấp mới mà ở ngân hàng truyền thống không có (chẳng hạn: tranh chấp giữa khách hàng với ngân hàng số khi ứng dụng AI; hoặc tranh chấp với Fintech;...). Vấn đề phải xác định chủ thể tranh chấp? Bản chất của tranh chấp? Cách thức giải quyết tranh chấp?... đòi hỏi pháp luật phải quy định.

Ngân hàng số đòi hỏi pháp luật không chỉ là môi trường pháp lý để ngân hàng số hình thành, hoạt động và phát triển, mà còn phải tạo môi trường thúc đẩy đổi mới sáng tạo thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của cách mạng công nghiệp 4.0.

Ở Việt Nam hiện nay, hệ thống pháp luật về ngân hàng số còn rất thiếu, có nhiều quan hệ phát sinh trong giao dịch, hoạt

động của ngân hàng số chưa được pháp luật điều chỉnh. Trong khi có những quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ số nếu đã có thì còn nhiều bất cập, nhiều quy định về ứng dụng công nghệ số trong giao dịch, hoạt động ngân hàng không còn tương thích với ngân hàng số. Nhiều quy định trong luật giao dịch điện tử và các văn bản pháp luật khác liên quan chưa đáp ứng được yêu cầu điều chỉnh bằng pháp luật với ngân hàng số. Chẳng hạn, thiếu quy phạm pháp luật quy định về hoạt động cho vay của ngân hàng số (khi tất cả các khâu từ đề nghị, giao kết hợp đồng, phê duyệt, thẩm định, giải ngân, giám sát,... đều là tự động hoá), hoạt động phát hành thẻ, hoạt động ngoại hối,... của ngân hàng số, mô hình thanh toán mới, tiền điện tử, chia sẻ dữ liệu người dùng qua giao diện lập trình ứng dụng mở,... Từ đó, đặt ra yêu cầu về pháp luật ngân hàng số phải được xây dựng và hoàn thiện.

4. Kết luận

Nghiên cứu về pháp luật ngân hàng số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là đòi hỏi khách quan hiện nay. Nghiên cứu những tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với việc hình thành, phát triển của ngân hàng số, làm rõ bản chất pháp lý của các giao dịch, hoạt động ngân hàng số, từ đó, nghiên cứu nội dung chủ yếu của pháp luật về ngân hàng số, xây dựng, hoàn thiện các quy phạm pháp luật điều chỉnh. Yêu cầu này ở Việt Nam lại càng cần thiết và cấp bách hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

Phạm Xuân Hoà (2022), “Nhiều khoảng trống pháp lý cho việc ứng dụng các công nghệ 4.0 trong sáng tạo, phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng số”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Xu hướng ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển dịch vụ ngân hàng ở các ngân hàng thương mại Việt Nam”.

OECD, the Digital Economy, page 5.

Tô Thị Diệu Loan (2022), “Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tới hoạt động ngân hàng và xu hướng phát triển ngân hàng ứng dụng công nghệ 4.0”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Xu hướng ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển dịch vụ ngân hàng ở các ngân hàng thương mại Việt Nam”.